

Bản án số: 48/2023/HS-ST

Ngày 25-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Hoàng Khải;

Ông **Lâm Trần Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 19-5-1994 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; Nơi ở hiện tại: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1960 (sống) và bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1965 (sống); **A** (chị) em ruột: 06 người, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Có vợ tên **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm 1996 và 01 con (sinh năm 2021); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 03-6-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số: 09/2015/HSST, đã chấp hành xong hình phạt (đã xóa án tích); Tạm giữ: Ngày 07-6-2023; Hủy bỏ quyết định tạm giữ: Ngày 13-6-2023; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Lê Văn T1** (tên gọi khác: **Tuấn M1**), sinh năm 1995 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp G, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Hà Văn S1 (tên gọi khác: Sang S), sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1993 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 06-6-2023, Nguyễn Hoàng S ở nhà tại ấp D, xã T, huyện T thì Lê Văn T1 (tên gọi khác: Tuấn M1) điều khiển xe mô tô không nhớ biển kiểm soát chở Hà Văn S1 (tên gọi khác: Sang Si Đ) đến nhà gặp S thì ngồi uống nước, lúc này trong nhà chỉ có S, T1 và S1, một lúc sau thì S1 điều khiển chạy xe đi, còn S và T1 ngồi nói chuyện thì T1 đưa cho S 01 bọc nylon bên trong là ma túy rồi T1 đi ra đường thì S1 quay xe lại chở T1 đi về. Khoảng 30 phút sau, S1 gọi điện cho S hỏi mượn 1.000.000 đồng đưa cho chị Thượng Thị Trinh N (vợ Nu M2) ở ấp D, xã T, huyện T, S đồng ý, sau khi đưa tiền xong thì S về nhà ngủ. Đến khoảng 08 giờ ngày 07-6-2023, S thức dậy lấy ma túy trong nhà ra chia làm 13 bọc nylon rồi cất giấu trên vách nhà tắm, số dư còn lại S sử dụng một mình, sau khi S bỏ đi thì bạn gái của S là Nguyễn Thị Trúc L1 thấy còn dư nên lấy sử dụng. Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện T phối hợp với Chi cục Hải quan cửa khẩu Dinh Bà và Biên phòng tỉnh Đ đến kiểm tra thì phát hiện trên vách nhà tắm của S có 01 bọc nylon màu trắng, có rãnh kéo kín, có viền đỏ, dán băng keo đen bên ngoài, bên trong có 01 bọc nylon màu trắng, bên trong bọc nylon màu trắng có chứa 05 bọc nylon màu trắng, có dán băng keo màu đen, được hàn kín hai đầu, bên trong 05 bọc nylon có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng và 08 bọc nylon màu trắng được hàn kín hai đầu, bên trong 08 bọc nylon có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng, nghi là chất ma túy nên lực lượng Công an huyện T, Chi cục Hải quan cửa khẩu D và Biên phòng tỉnh Đồng Tháp tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

* Vật chứng của vụ án thu giữ được: 01 (một) bọc nylon màu trắng, có rãnh kéo kín, có viền đỏ, dán băng keo đen bên ngoài, bên trong có 01 (một) bọc nylon màu trắng, bên trong bọc nylon màu trắng có chứa 05 (năm) bọc nylon màu trắng, có dán băng keo màu đen, được hàn kín hai đầu, bên trong 05 (năm) bọc nylon có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng và 08 (tám) bọc nylon màu trắng được hàn kín hai đầu, bên trong 08 (tám) bọc nylon có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng.

* Tại Kết luận giám định số: 621/KL-KTHS ngày 09-6-2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 13 (mười ba) bọc nylon màu trắng hàn kín hai đầu (trong đó 05 (năm) bọc nylon có dán miếng băng keo màu

đen bên ngoài) được niêm phong trong phong bì gửi giám định đều là chất ma túy, có tổng khối lượng 1,276 gam (Một phẩy hai trăm bảy mươi sáu gam), loại Methamphetamine (số thứ tự 247, mục IIC thuộc Danh mục II, Nghị định số: 57/2022/NĐ-CP ngày 25-8-2022 của Chính phủ). Hoàn trả đối tượng gửi giám định: Mẫu tinh thể rắn còn lại sau giám định trong phong bì có tổng khối lượng 1,142 gam (Một phẩy một trăm bốn mươi hai gam), đã được niêm phong.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng S cho rằng số ma túy là do Lê Văn T1 (Tuấn M1) đưa cho S sử dụng. Tuy nhiên chỉ có duy nhất lời khai của S, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ để xử lý Lê Văn T1 với vai trò đồng phạm với S.

Đối với Nguyễn Thị Trúc L1 có sử dụng ma túy của S nhưng L1 sử dụng ma túy trong phòng khi nào thì S không biết, lúc đó S đã đi ra ngoài có công chuyện nên không xem xét xử lý hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của S và L1.

Việc Hà Văn S1 kêu Nguyễn Hoàng S trả cho chị Thượng Thị Trinh N (vợ Nu M2) số tiền 1.000.000 đồng vì trước đây S mượn của S1, do giữa S1 và S thống nhất cân trừ tiền nợ với nhau nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số: 46/CT-VKSTH ngày 07-9-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hoàng S thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật. Bị cáo khai nhận việc Nguyễn Thị Trúc L1 là bạn gái của bị cáo sử dụng ma túy của bị cáo khi nào thì bị cáo không biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Thị Trúc L1 trình bày thấy ma túy S sử dụng còn dư nên lấy sử dụng, bị cáo S không có kêu L1 sử dụng chung.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Việc Nguyễn Hoàng S cho rằng số ma túy S tàng trữ là do Lê Văn T1 (Tuấn M1) đưa cho S sử dụng, tuy nhiên chỉ có duy nhất lời khai của S, T1 thì không thừa nhận, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ xử lý Lê Văn T1 với vai trò đồng phạm với S.

Đối với Nguyễn Thị Trúc L1 có sử dụng ma túy của S nhưng L1 sử dụng ma túy trong phòng khi nào thì S không biết, lúc đó S đã đi ra ngoài có công chuyện nên không xem xét xử lý hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của S và L1.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy: 1,142 gam (Một phẩy một trăm bốn mươi hai gam) ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, đã được niêm phong.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Nguyễn Hoàng S đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,276 gam ma túy loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang tại nhà ở ấp D, xã T, huyện T vào ngày 07-6-2023.

Methamphetamine có số thứ tự 247, mục IIC thuộc Danh mục II, Nghị định số: 57/2022/NĐ-CP ngày 25-8-2022 của Chính Phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất, đây là các chất cấm tàng trữ.

[3] Khi thực hiện hành vi vi phạm, bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Như vậy, qua tranh tụng

đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo **Nguyễn Hoàng S** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) ... Methamphetamine, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

[4] Về hình phạt chính: Hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo đã xâm hại đến chính sách độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, là nguồn gốc phát sinh của nhiều tội phạm hình sự nên cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục cho bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Nhưng Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo trong việc lượng hình để răn đe, giáo dục bị cáo nhằm có tác dụng đấu tranh và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, do đã có một lần phạm tội “Cố ý gây thương tích”, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số: 09/2015/HSST ngày 03-6-2015.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo, nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật hình sự nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.* Trong quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy bản thân bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, bị cáo cũng không có đảm nhiệm chức vụ, không hành nghề gì, Kiểm sát viên cũng không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp.

Việc bị cáo **S** cho rằng số ma túy **S** tàng trữ là do **Lê Văn T1 (Tuấn M1)** đưa cho **S** sử dụng, tuy nhiên chỉ có duy nhất lời khai của **S, T1** thì không thừa nhận, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ xử lý **Lê Văn T1** với vai trò đồng phạm với **S**.

Đối với **Nguyễn Thị Trúc L1** là người sử dụng ma túy của **S, S** không biết

vì lúc đó đã bỏ đi, L1 cũng không biết ma túy ở đâu mà có và S cũng không có nói cho L1 biết nên không xem xét xử lý đối với L1 là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 1,142 gam (Một phẩy một trăm bốn mươi hai gam) ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, đã được niêm phong.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù (được trừ đi những ngày tạm giữ từ ngày 07-6-2023 đến ngày 13-6-2023).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 1,142 gam (Một phẩy một trăm bốn mươi hai gam) ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, đã được niêm phong

(Vật chứng nêu trên hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07-9-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25-9-2023). Người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tựu